

**BẢNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VIỆC MIỄN HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ ĐỐI VỚI GIẤY TỜ NƯỚC NGOÀI SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM VÀ CHỨNG NHẬN LÃNH SỰ ĐỐI VỚI GIẤY TỜ VIỆT NAM SỬ DỤNG Ở NƯỚC NGOÀI THEO CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC, PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ NGUYÊN TẮC CÓ ĐI CÓ LẠI**

Các chữ viết tắt:

HĐTTTP: Hiệp định tương trợ tư pháp

HDLS: Hiệp định lãnh sự

CQĐD: Cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự

HPHLS: Hợp pháp hóa lãnh sự

CNLS: Chứng nhận lãnh sự

<b>TÊN NƯỚC</b>	<b>LOẠI GIẤY TỜ</b>	<b>CƠ QUAN CẤP</b>	<b>CƠ SỞ MIỄN HPHLS, CNLS</b>	<b>HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG</b>
<b>Cộng hòa Ba Lan</b>	Các loại giấy tờ lao động (Điều 1.3), dân sự, hình sự, gia đình do cơ quan có thẩm quyền lập, chứng thực	Các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và Ba Lan	Điều 14 và 15 HĐTTTP năm 2003	- Miễn HPHLS đối với giấy tờ Ba Lan để sử dụng tại VN - Miễn CNLS đối với giấy tờ Việt Nam để sử dụng tại Ba Lan
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD Ba Lan tại Việt Nam và CQĐD Việt Nam tại Ba Lan	Điều 34 HDLS năm 1979	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>Cộng hòa Bun-ga-ri</b>	Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và Bun-ga-ri	Điều 12 HĐTTTP năm 1986	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD Bun-ga-ri tại Việt Nam và CQĐD Việt Nam tại Bun-ga-ri	Điều 33 HDLS năm 1979	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS

<b>Cộng hòa Bê-la-rút</b>	Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự, lao động, thương mại (Điều 1.4)	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Bê-la-rút	Điều 11 HĐTTTP năm 2000	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD Bê-la-rút tại Việt Nam và Việt Nam tại Bê-la-rút	Điều 13 HDLS năm 2008	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>Vương quốc Cam-pu-chia</b>	Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Cam-pu-chia	Áp dụng nguyên tắc có đi có lại	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Giấy tờ sử dụng để giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Cam-pu-chia	Điều 3 Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28/03/2013	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>Cộng hòa Cu-ba</b>	Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự, lao động	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Cu-ba	Điều 13 HĐTTTP năm 1988	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD Cu-ba tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại Việt Nam	Điều 12 HDLS năm 1981	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>Cộng hòa Hung-ga-ri</b>	Các giấy tờ công hoặc giấy tờ tư có xác nhận, chứng nhận trong lĩnh vực dân sự, gia đình, hình sự và hành chính	Các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và Hung-ga-ri	Điều 16 HĐTTTP năm 1985 và Công hàm số 64/2007 ngày 09/05/2007 của ĐSQ Hungari tại Hà Nội	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD Hung-ga-ri tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại Hung-ga-ri	Điều 33 HDLS năm 1979	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS

<b>Cộng hòa I-rắc</b>	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD I-rắc tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại I-rắc	Điều 40 HDLS năm 1990	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>CHDCND Lào</b>	Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Lào	Điều 12 HDTTTT năm 1998	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của Lào tại Việt Nam và CQDD của Việt Nam tại Lào	Điều 36 HDLS năm 1985	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Giấy tờ sử dụng để giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Lào	Điều 3 Nghị định 24/2013/NĐ-CP 28/03/2013	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>Mông Cổ</b>	Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Mông Cổ	Điều 8 HDTTTT năm 2000	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của Mông Cổ tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại Mông Cổ	Điều 31 HDLS năm 1979	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>Liên bang Nga</b>	Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự, lao động, thương mại (Điều 1.4)	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và LB Nga	Điều 8 HDTTTT năm 1981 (ký với Liên Xô)	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Giấy tờ do cơ quan tư pháp lập hoặc chứng thực (gồm cả bản dịch và bản trích lục giấy tờ, đã được chứng thực)	Cơ quan Tư pháp của Nga và LB Nga	Điều 15 HDTP năm 1998 (ký với LB Nga)	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS

<p align="center"><b>Nhật Bản</b></p>	<p>Các loại giấy tờ hộ tịch dùng để kết hôn, nuôi con nuôi, nhận cha mẹ con</p>	<p>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Nhật Bản và Việt Nam</p>	<p>Áp dụng nguyên tắc có đi có lại và Công hàm của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao số 424/CH-LS-PLLS ngày 27/4/2012 và CH số 26/2011 ngày 1/11/2011 của ĐSQ Nhật tại HN.</p>	<p>- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS</p>
<p align="center"><b>Cộng hòa Pháp</b></p>	<p>Các giấy tờ hộ tịch, quyết định án dân sự của công dân Việt Nam và giấy tờ dân sự dùng cho việc kết hôn, nuôi con nuôi, nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam và Pháp</p>	<p>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Pháp.</p>	<p>- Điều 26 Hiệp định TTTP năm 1999. - CH số 1204/CH-LS-PLLS ngày 17/10/2011 của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao và CH số 2077/CSLT ngày 20/10/2011 của ĐSQ Pháp tại Hà Nội.</p>	<p>- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS</p>
<p align="center"><b>Ru-ma-ni</b></p>	<p>Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự</p>	<p>CQDD của Pháp tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại Pháp</p>	<p>Điều 35 mục 3, 4 HĐ Lãnh sự Việt Nam - Pháp ngày 21/12/1981</p>	<p>- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS</p>
<p align="center"><b>Cộng hòa Séc</b></p>	<p>Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự</p>	<p>CQDD Ru-ma-ni tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại Ru-ma-ni</p>	<p>Điều 22 HĐLS năm 1995</p>	<p>- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS</p>
	<p>Các loại giấy tờ dân sự (bao gồm các việc về gia đình và lao động) và hình sự</p>	<p>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Séc</p>	<p>Điều 13 HĐTTTP năm 1982 (ký với Tiệp Khắc)</p>	<p>- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS</p>
	<p>Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự</p>	<p>CQDD của CH Séc tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại Séc</p>	<p>Điều 40 HĐLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)</p>	<p>- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS</p>

<b>Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (*)</b>	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD Trung Quốc tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại Trung Quốc	Điều 45 HĐLS năm 1998	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Giấy tờ sử dụng để kết hôn, nuôi con nuôi, nhận cha, mẹ, con tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Trung Quốc	Điều 3 Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28/03/2013	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>U-crai-na</b>	Các giấy tờ dân sự (thương mại, hôn nhân gia đình, lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và U-crai-na	Điều 12 HĐTTTP năm 2000	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD U-crai-na tại Việt Nam và CQDD Việt Nam tại U-crai-na	Điều 42 HĐLS năm 1994	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS
<b>Xlô-va-ki-a</b>	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQDD của Xlô-va-ki-a tại Việt Nam và CQDD của Việt Nam tại Xlô-va-ki-a	Điều 40 HĐLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)	- Được miễn HPHLS - Được miễn CNLS

**Ghi chú:**

- Việc thực hiện theo Hiệp định không ảnh hưởng đến việc chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ theo yêu cầu của công dân tại các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhằm tạo thuận lợi cho công dân theo quy định tại Điều 10.2 Thông tư 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012.

- (\*) **Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa** : Đối với giấy tờ như bằng cấp, chứng chỉ, lý lịch tư pháp (xác nhận không tiền án, tiền sự) và các giấy tờ liên quan khác do cơ quan công chứng của Trung Quốc hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác chứng nhận, sau đó được Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao Trung Quốc (hoặc các cơ quan ngoại vụ địa phương Trung Quốc được ủy quyền) chứng thực thì phải hợp pháp hóa lãnh sự tại CQDD Việt Nam hoặc Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Trung Quốc (theo các Công hàm số LS/061/2006 ngày 31/5/2006 và số 174/2014 ngày 29/4/2014 của ĐSQ Trung Quốc tại Việt Nam).